

Số: /2026/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 12/12/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 và số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2028 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3754/TTr-SKHCN ngày 19/11/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 7 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

2. Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 8 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

3. Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (cấp tỉnh) quy định tại Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Điều 2. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, bao gồm các bước: Tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ và trả kết quả. Các nội dung được phân cấp nêu trên thuộc các thủ tục hành chính sau:

1. Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

2. Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

3. Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế quy định tại Điều 9 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

4. Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 10 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

5. Thủ tục hỗ trợ kinh phí mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu quy định tại Điều 20 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

6. Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (cấp tỉnh) quy định tại Điều 22 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

7. Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (cấp tỉnh) quy định tại Điều 30 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Điều 25 Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Điều 3 Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực quy định tại Điều 20 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

10. Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 11 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

11. Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 12 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

12. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ quy định tại Điều 13 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Điều 25 Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

13. Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại Điều 14 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện đúng nội dung trong phạm vi được phân cấp, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định này.

2. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện nội dung được phân cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi liên quan đến quy định của pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời báo cáo UBND tỉnh để được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CNXDKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh